CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Đà Cao Cường

Ngày 30/06/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.8%	**-**	**13.8%**

DT thuần
Q2/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.0| 49.4%
YoY: ▲ 8.00| 6.4%

LN thuần
Q2/25
20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.80| 77.7%
YoY: ▲ 10.0| 98.9%

LN sau thuế
Q2/25
15.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.03| 79.7%
YoY: ▲ 7.87| 98.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
16.7%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM)
Q2/25
12.0%
YoY: +/-▲ 2.7%

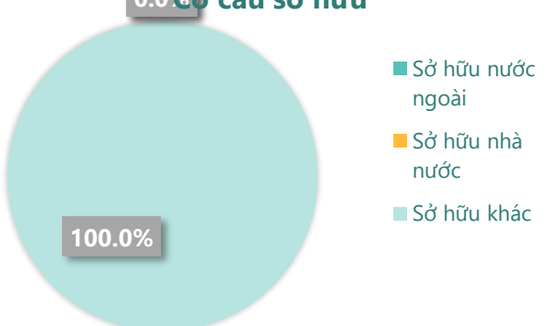
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,929 - 29,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	582
Số lượng CPLH (CP)	22,392,839
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,645
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	1,498
P/E	17.4

DT thuần
6T 2025
234
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 6.6%

LN thuần
6T 2025
31.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40| 25.8%

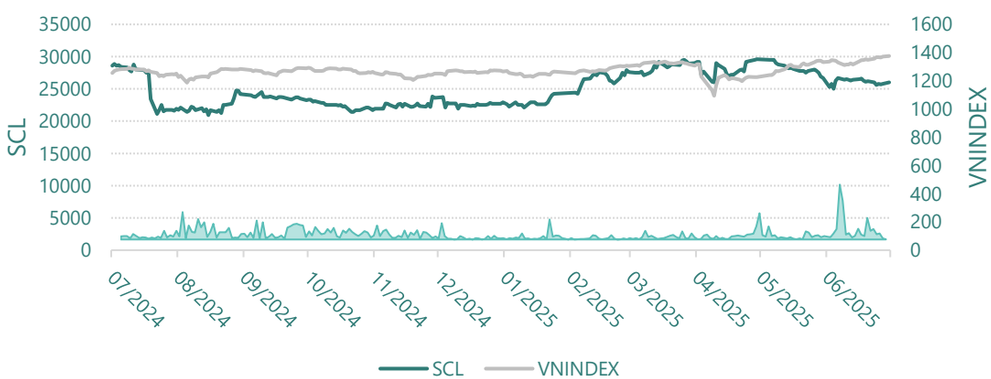
LN sau thuế
6T 2025
24.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.90| 24.9%

Cơ cấu sở hữu

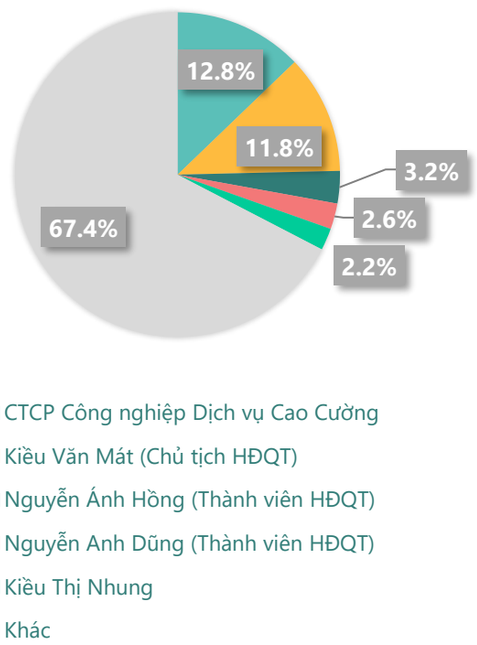


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



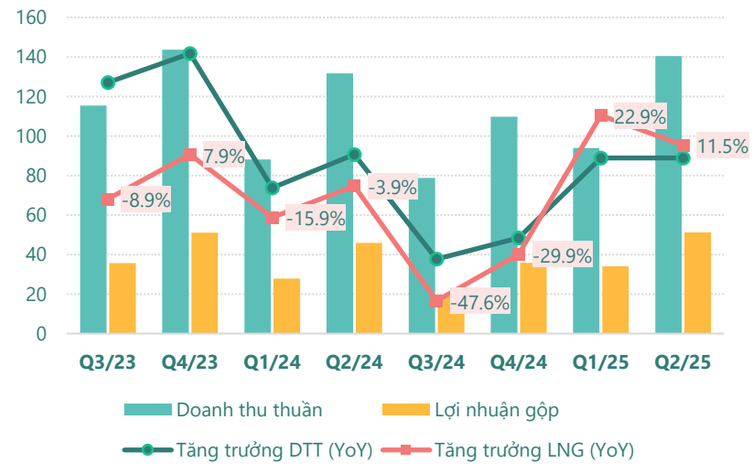
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

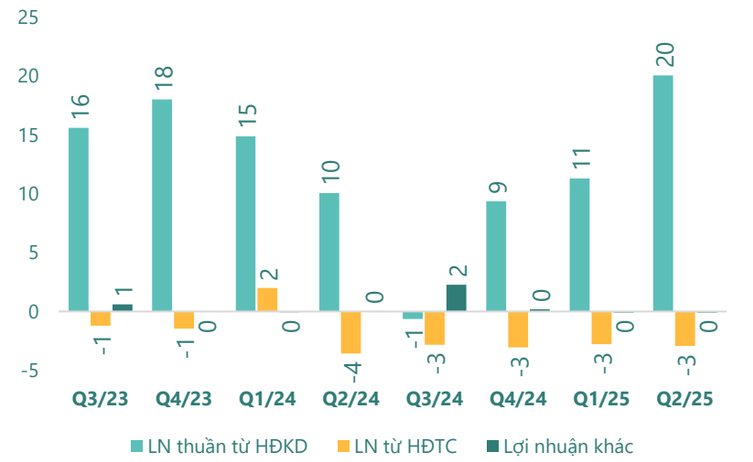
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



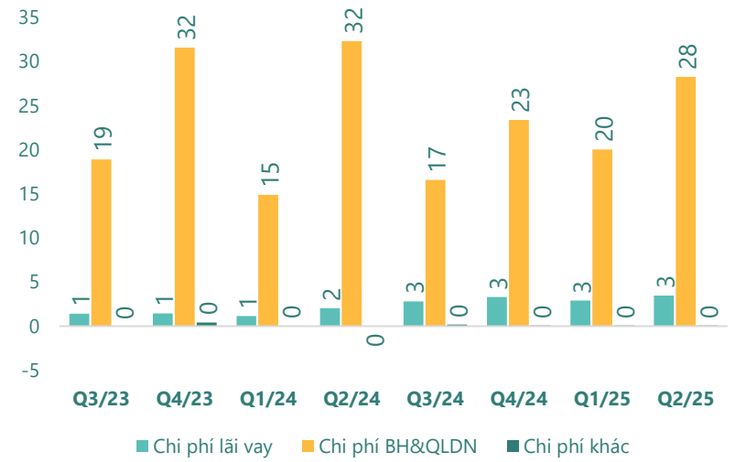
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



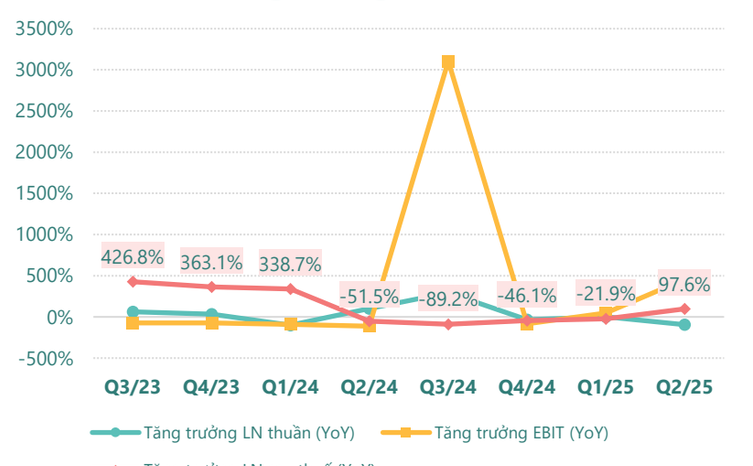
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



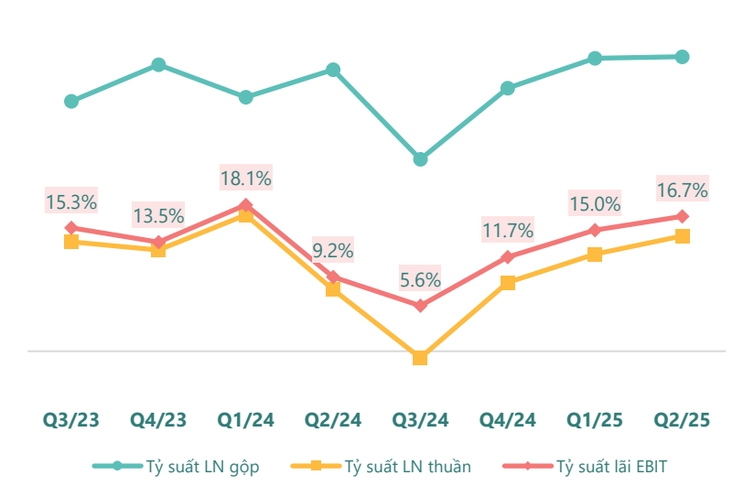
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



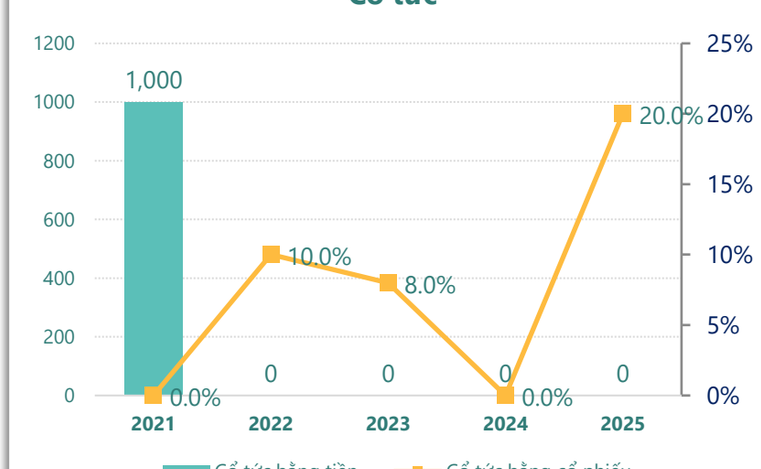
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

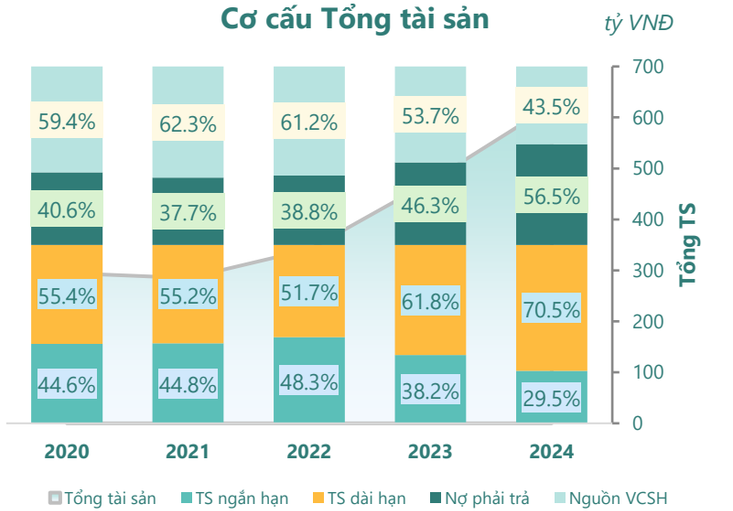
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

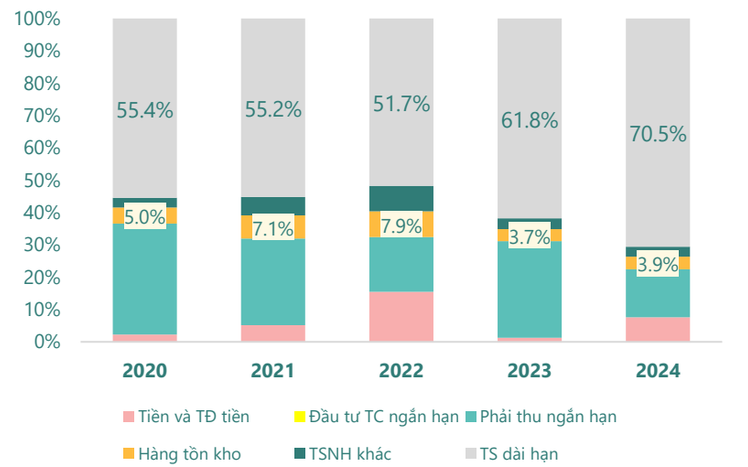
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



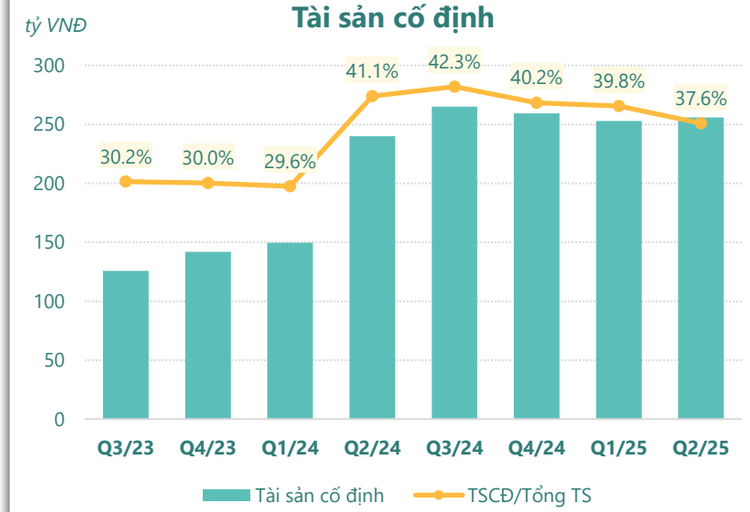
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



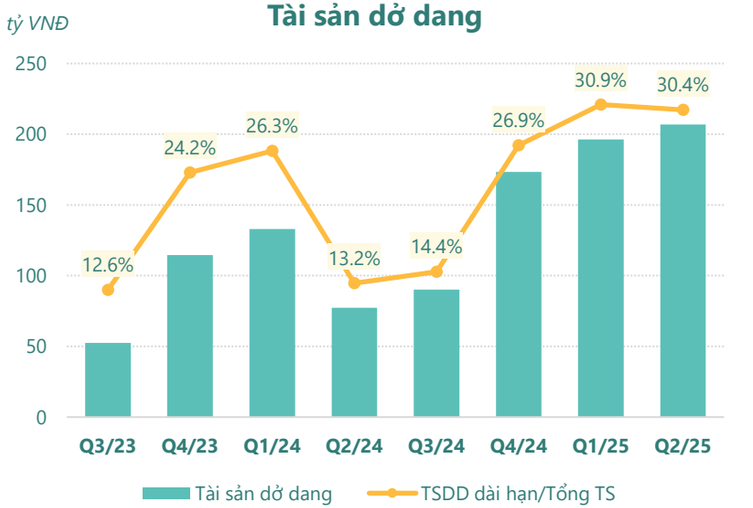
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



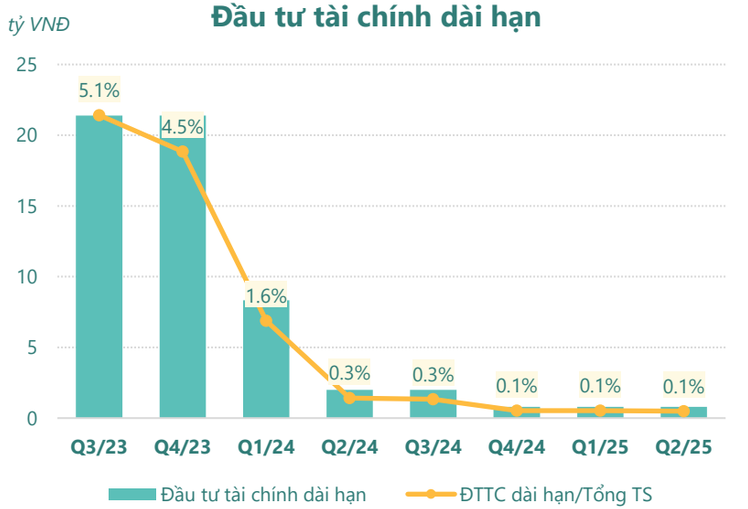
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



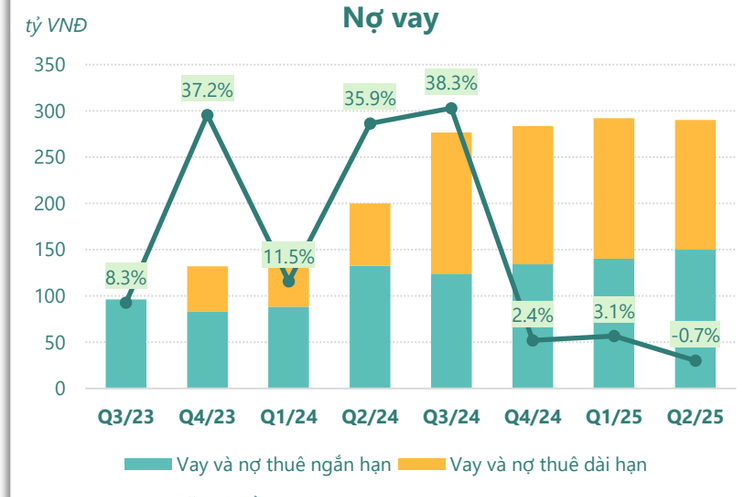
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

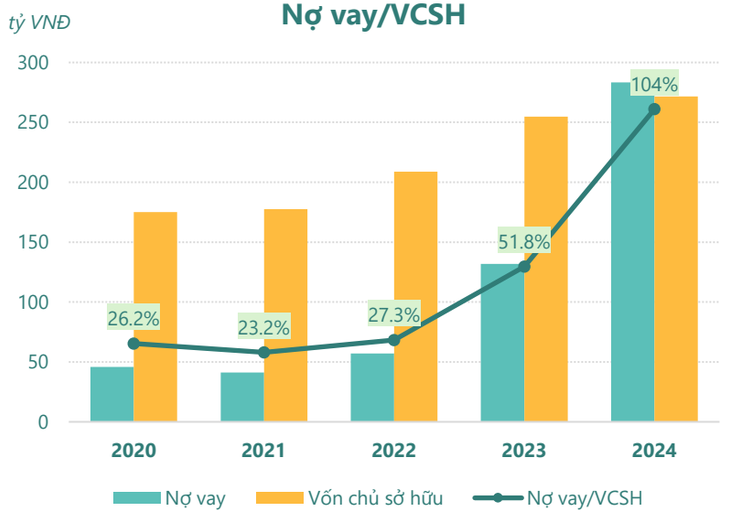
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

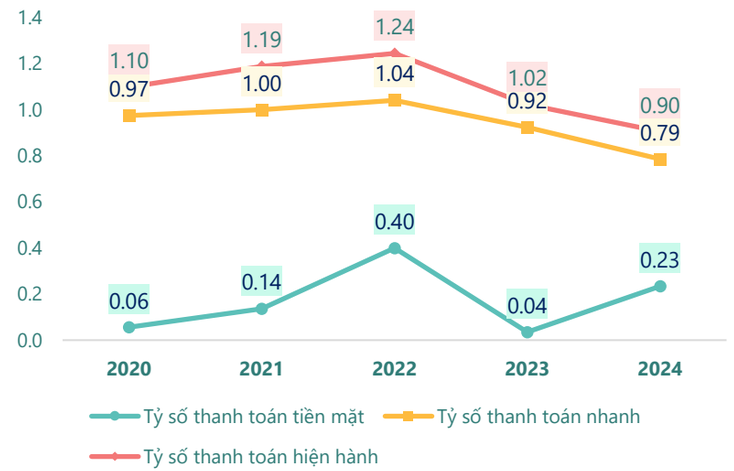
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



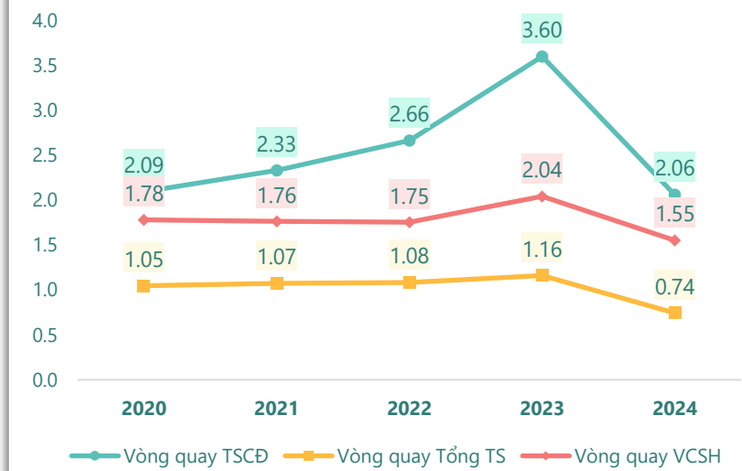
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



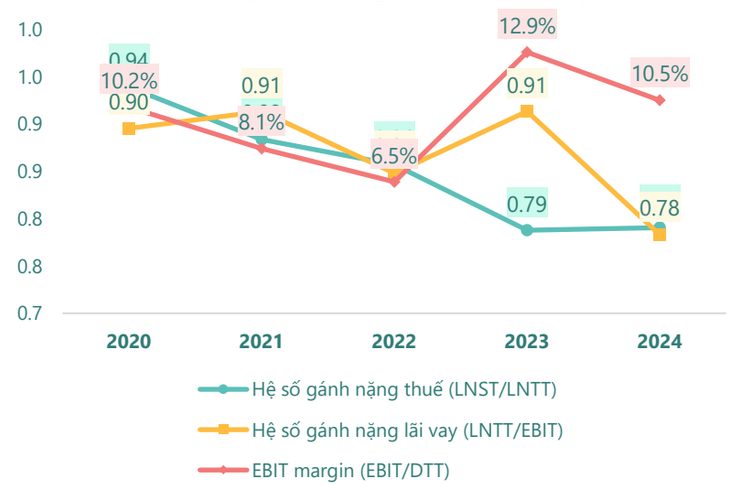
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



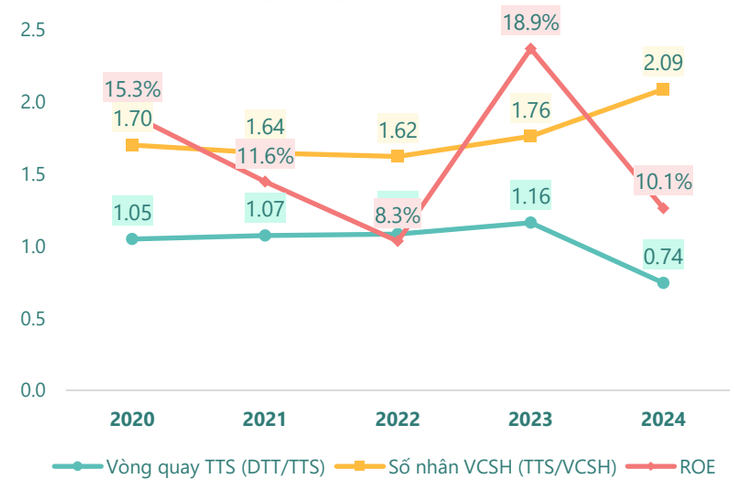
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



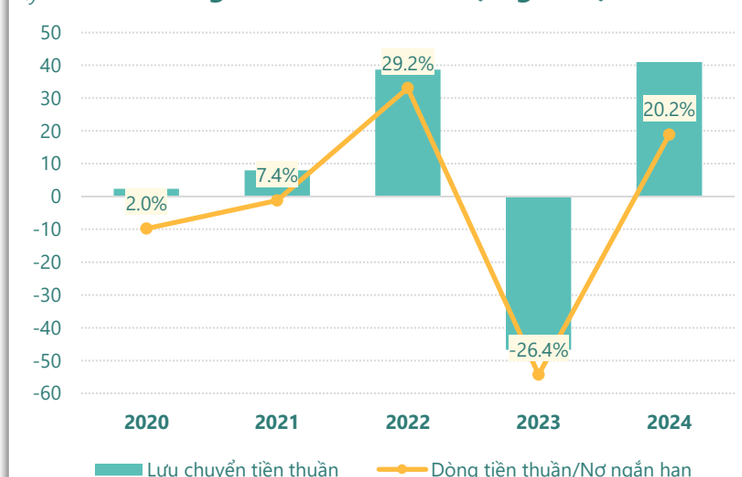
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**140**	**132**	**6.4%**	**234**	**220**	**6.6%**
Giá vốn hàng bán	89.1	85.7	4.0%	149	146	2.0%
Lợi nhuận gộp	51.3	46.0	11.5%	85.4	73.8	15.8%
Doanh thu HĐTC	0.54	-1.29	142%	0.64	0.38	68.8%
Chi phí TC	3.47	2.29	51.7%	6.37	1.96	225%
Chi phí lãi vay	3.47	2.05	69.5%	6.37	3.19	99.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	23.3	27.7	-15.8%	37.1	38.6	-3.8%
Chi phí QLDN	**4.94**	**4.65**	**6.2%**	**11.2**	**8.62**	**29.8%**
LN thuần từ HĐKD	20.1	10.1	98.9%	31.4	25.0	25.8%
Lợi nhuận khác	**-0.08**	**0.02**	**-512%**	**-0.16**	**-0.03**	**-409%**
LN trước thuế	20.0	10.1	98.0%	31.2	24.9	25.3%
Lợi nhuận sau thuế	**15.9**	**8.03**	**98.5%**	**24.8**	**19.9**	**24.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.9**	**8.03**	**98.5%**	**24.8**	**19.9**	**24.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.90	-70.4	-50.5	10.3	-20.3	6.28
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.2	2.27	-0.43	-2.92	3.37	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.2	52.9	76.6	6.73	8.73	-2.06
Tiền đầu kỳ	6.21	22.8	7.73	33.1	42.4	34.3
Lưu chuyển tiền thuần	**16.5**	**-15.3**	**25.7**	**14.1**	**-8.17**	**-6.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0.18	-0.32	0.23	0	0.54
Tiền cuối kỳ	22.8	7.73	33.1	47.4	34.3	28.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**680**	**624**	**9.0%**
Tài sản ngắn hạn	207	184	12.8%
Tiền và tương đương tiền	28.3	47.4	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	135	92.4	46.0%
Hàng tồn kho	23.4	24.2	-3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	19.6	4.6%
Tài sản dài hạn	**473**	**440**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	1.00	0	
Tài sản cố định	256	259	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	207	173	19.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.80	0.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.44**	**6.46**	**30.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	388	352	10.2%
Nợ ngắn hạn	**248**	**203**	**22.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	134	11.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.1	44.1	67.7%
Nợ dài hạn	140	149	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	140	149	-6.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**292**	**271**	**7.5%**
Vốn chủ sở hữu	**292**	**272**	**7.5%**
Vốn điều lệ	224	187	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.15**	**-0.15**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)